

Số: 1931 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và
kế hoạch năm 2025 tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 304/TTr-STC ngày 23/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 như phụ lục 01, 02 chi tiết kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV, các Chủ đầu tư (theo phụ lục đính kèm) và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH;
- Lưu: VT, T5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí	Điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mối giao KH	Ghi chú
I	Dự án điều chỉnh giảm			-102.000,000			
a)	Thanh toán cho các công trình đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	152.000,000	113.975,000	-2.500,000	149.500,000		
b)	Dự án hoàn thành			-99.500,000			
1	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	267.800,000	230.800,000	-37.000,000	230.800,000	BQL DA NNPTNT	
2	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	178.998,000	171.100,000	-7.898,000	171.100,000	BQL DA NNPTNT	
3	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	318.995,000	249.852,621	-54.602,000	264.393,000	BQL DA GT&DD	
II	Dự án điều chỉnh tăng			102.000,000			
a)	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	22.000,000	22.000,000	2.500,000	24.500,000		
b)	Dự án hoàn thành			9.500,000			
1	Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định	203.702,000	203.702,251	9.500,000	213.202,000	BQL DA GT&DD	
c)	Dự án đang triển khai			90.000,000			
1	Dự án phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	147.800,000	147.800,000	90.000,000	237.800,000	BQL DA NNPTNT	

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Giá trị giải ngân	Điều chỉnh kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mối giao KH	Ghi chú
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG						
I	Dự án điều chỉnh giảm			-4.115,779			
a)	<i>Thanh toán cho các công trình đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành</i>	15.563,000	6.875,285	-2.500,000	13.063,000		
b)	<i>Dự án hoàn thành</i>			-1.615,779			
1	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	4.100,000	2.484,221	-1.615,779	2.484,221	BQL DA NNPTNT	
II	Dự án điều chỉnh tăng			4.115,779			
a)	<i>Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành</i>	2.000,000	2.000,000	2.500,000	4.500,000		
b)	<i>Dự án hoàn thành</i>			1.615,779			
1	Chống xuống cấp, tu bổ và phát huy giá trị di tích Quốc gia Tháp Thủ Thiện	2.000,000	1.601,468	1.615,779	200,000	Sở VH TTDL	
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						
I	Dự án điều chỉnh giảm			-341.942,228			
a)	<i>Dự án hoàn thành</i>			-338.942,228			
1	Trường Tiểu học số 1 Bồng Sơn. Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 14 phòng (Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng, nhà lớp học 02 tầng 08 phòng)	39,398	0,000	-39,398	0,000	UBND phường Bồng Sơn	
2	Cải tạo Hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ suối Trầu Khu đô thị Long Vân thành phố Quy Nhơn	38.597,000	38.346,222	-150,000	38.447,000	BQL DA NNPTNT	
3	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng xuống cấp giai đoạn 2021-2025	6.100,000	5.000,000	-100,000	6.000,000	BQL DA NNPTNT	
4	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	109.574,000	38.198,357	-60.000,000	49.574,000	BQL DA GT&DD	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Giá trị giải ngân	Điều chỉnh kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mối giao KH	Ghi chú
5	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	251.000,000	162.047,291	-70.000,000	181.000,000	BQL DA GT&DD	
6	Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong	212.750,000	64.248,923	-95.000,000	117.750,000	BQL DA GT&DD	
7	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân	95.000,000	18.937,555	-40.000,000	55.000,000	BQL DA GT&DD	
8	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	158.112,000	45.193,592	-70.000,000	88.112,000	BQL DA GT&DD	
9	Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý	11.000,000	6.260,954	-3.652,830	7.347,170	BQL Khu kinh tế	
b)	Dự án đang triển khai thực hiện			-3.000,000			
1	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Bình Định.	3.700,000	142,475	-3.000,000	700,000	Sở Tài chính	
II	Dự án điều chỉnh tăng			341.942,228			
a)	Dự án hoàn thành			18.726,398			
1	Khu tái định cư phường Hoài Thanh Tây phục vụ dự án tuyến đường kết nối tuyến đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	0,000		39,398	39,398	Ban QLDA GT&DD	
2	Sửa chữa nhà điều trị khoa tim mạch can thiệp và khoa Nội Tim mạch	3.000,000	3.000,000	1.243,000	4.243,000	BV Đa khoa trung tâm	
3	Xây dựng mới khoa Nội thận lọc máu thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.000,000	3.000,000	3.670,000	6.670,000	BV Đa khoa trung tâm	
4	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng Sân vận động Quy Nhơn	1.000,000	1.000,000	2.000,000	3.000,000	Sở VHTTDL	
5	Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định	0,000		9.500,000	9.500,000	BQL DA GT&DD	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Giá trị giải ngân	Điều chỉnh kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mối giao KH	Ghi chú
6	Xây mới Trạm y tế xã Cát Trinh	0,000		1.348,000	1.348,000	UBND xã Phù Cát	
7	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cát Tài	0,000		926,000	926,000	UBND xã Đề Gi	
b)	Dự án đang triển khai thực hiện			323.215,830			
1	Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn	5.000,000	5.000,000	33.000,000	38.000,000	BQL DA GT&DD	
2	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	15.000,000	5.000,000	20.000,000	35.000,000	BQL DA GT&DD	
3	Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn - Cơ sở 2	25.677,274	5.677,274	10.700,000	36.377,274	BQL DA GT&DD	
4	Mở rộng nút giao Đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân và đường trục khu kinh tế	14.405,694	14.405,694	5.043,000	19.448,694	BQL DA GT&DD	
5	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	40.499,770	40.499,770	50.000,000	90.499,770	BQL DA GT&DD	
6	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	2.000,000	0,000	13.700,000	15.700,000	BQL DA GT&DD	
7	Mở rộng đường phía Tây huyện Vân Canh, đoạn từ thôn Thịnh Văn 1 đến làng Hiệp Hà	1.000,000	0,000	9.100,000	10.100,000	BQL DA GT&DD	
8	Xây dựng Khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ	2.000,000	2.000,000	120,000	2.120,000	BQL DA NNPTNT	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An	2.000,000	2.000,000	3.500,000	5.500,000	Sở VH TTDL	
10	Dự án phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	50.000,000	49.991,645	90.000,000	140.000,000	BQL DA NNPTNT	
11	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	15.237,000	12.492,589	3.652,830	18.889,830	BQL KKT tỉnh	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Giá trị giải ngân	Điều chỉnh kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mỗi giao KH	Ghi chú
12	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp Nhà khám đa khoa - Hành chính, khoa Sản, khoa Ngoại, Liên chuyên khoa, Nhà khoa Nhi, khoa Nội A - Đông Y , khoa Nội B, Phòng khám đa khoa khu vực Bình Dương	5.000,000	4.527,194	5.000,000	10.000,000	BQL DA GT&DD	
13	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh; Hạng mục: Xây mới Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm, nhà làm việc phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Cải tạo, nâng cấp Khoa khám - hồi sức cấp cứu và Hành chính	3.000,000	3.000,000	6.000,000	9.000,000	BQL DA GT&DD	
14	Trung tâm y tế huyện An Lão, thuộc Đề án Nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025	3.000,000	2.999,828	5.000,000	8.000,000	BQL DA GT&DD	
15	Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	7.557,000	7.557,000	22.500,000	30.057,000	BQL DA GT&DD	
16	Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh	0,000	0,000	5.000,000	5.000,000	BQL DA GT&DD	
17	Sửa Chữa, Cải Tạo, Nâng Cấp Đài Phát Thanh Và Truyền Hình Bình Định	0,000	0,000	10.000,000	10.000,000	BQL DA GT&DD	
18	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trường Chính trị tỉnh	0,000	0,000	2.000,000	2.000,000	Trường Chính trị tỉnh	
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.638 (đoạn trung tâm xã Nhơn Phúc đến trung tâm xã Nhơn Lộc)	0,000	0,000	10.400,000	10.400,000	BQL DA GT&DD	
20	Đập dâng Phú Xuân	0,000	0,000	18.500,000	18.500,000	BQL DA NNPTNT	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Giá trị giải ngân	Điều chỉnh kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mỗi giao KH	Ghi chú
C	VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT						
I	Dự án điều chỉnh giảm			-901,446			
a)	Dự án hoàn thành			-901,446			
1	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn; hạng mục: Xây dựng mới khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	331,000	0,000	-276,569	54,431	Sở Y tế	
2	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh; hạng mục: Xây dựng mới khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	4.000,000	3.875,123	-124,877	3.875,123	Sở Y tế	
3	Trung tâm Y tế huyện An Lão; hạng mục: Xây mới khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	6.887,675	2.622,730	-500,000	6.387,675	Sở Y tế	
II	Dự án điều chỉnh tăng			901,446			
a)	Dự án hoàn thành			901,446			
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo khoa Nội tổng hợp	1.000,000	1.000,000	901,446	1.901,446	Sở Y tế	